

KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2006 – MỘT SỐ VẤN ĐỀ NỔI BẬT TRƯỚC THÊM WTO

NGÔ THẾ BẮC^(*)

Sau hơn 11 năm đàm phán, ngày 7/11/2006 Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt mới trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế của Việt Nam, đồng thời cũng mở ra rất nhiều cơ hội và thách thức cho nước ta. Năm 2006 cũng là năm mà bối cảnh kinh tế-chính trị trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến theo hướng thuận lợi cho sự phát triển của Việt Nam. Vậy tính đến thời điểm chính thức được kết nạp vào WTO, chúng ta đã làm được gì và sẽ phải làm những gì trong thời gian tới?

Cho đến hết quý III, bức tranh tổng thể kinh tế Việt Nam năm 2006 đã dần được định hình một cách tương đối sáng sủa về nhiều mặt. Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tỷ lệ dự báo đạt trên 8%, các xu hướng tích cực trong chuyển đổi cơ cấu, ổn định kinh tế vĩ mô, giảm nghèo, đảm bảo an ninh quốc phòng tiếp tục được duy trì. Đại hội Đảng X với một số quan điểm phát triển đổi mới, nhân sự cấp cao mới cũng tạo được niềm tin và sự đồng tình sâu rộng trong quần chúng. Môi trường pháp lý tiếp tục được cải thiện, mở ra những triển vọng tốt đẹp về thu hút đầu tư nước ngoài. Đặc biệt, năm 2006 có 3 sự kiện nổi bật khẳng định những nỗ lực của Việt Nam đã được cộng đồng quốc tế công nhận và tiếp tục được đề cao, đó là Hội nghị cấp cao APEC diễn ra vào tháng 11 tại Hà Nội; lễ kết nạp Việt Nam chính thức trở thành thành

viên WTO tại Geneva; và Việt Nam được đề cử là thành viên không thường trực trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc niên hạn 2008-2009. Điều này, giúp Việt Nam nâng cao được vị thế trên trường quốc tế, mở ra rất nhiều triển vọng cho việc chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ở tầm cao hơn và sâu rộng hơn. Tuy vậy bên cạnh những thuận lợi sẽ là những thách thức mà Việt Nam phải đối mặt và nỗ lực vượt qua để có thể tận dụng được những cơ hội có được từ vận hội mới này (1). Trong bối cảnh như vậy, vấn đề cơ bản đối với Việt Nam trong năm 2006 chính là nền tảng kinh tế - chính trị với cấu trúc thể chế đang được tiếp tục cải cách phù hợp nhằm đáp ứng các yêu cầu của hội nhập quốc tế, các nỗ lực cải thiện chất lượng tăng trưởng và hệ thống chính

(*) ThS. Viện Thông tin KHXH

sách ổn định kinh tế vĩ mô. Dựa trên những nhận định của nhiều chuyên gia về tình hình kinh tế Việt Nam trước những diễn biến kinh tế vĩ mô trong 9 tháng đầu năm nay, bài viết khái quát một số nét chính về những thành tựu kinh tế đang và sẽ đạt được trong năm 2006 và đưa ra một số dự báo về phương hướng phát triển cũng như một số vấn đề cần lưu ý sau khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO.

I. Những diễn biến trong và ngoài nước có ảnh hưởng tới sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam

1. Diễn biến nền kinh tế - chính trị thế giới

Nhìn chung, bối cảnh trong nước và quốc tế đã và đang diễn biến theo chiều hướng thuận lợi nhiều hơn cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

Năm 2006 đánh dấu sự phục hồi trở lại của các cường quốc kinh tế. Nhật Bản tiếp tục thoát khỏi tình trạng trì trệ với mức tăng trưởng dự báo là 2,8%, nền kinh tế châu Âu đạt mức 2,2%, nền kinh tế Mỹ là 2,8% và Trung Quốc tiếp tục thể hiện hiệu quả của công cuộc cải cách với mức tăng trưởng dự kiến sẽ đạt khoảng 10%.

Về an ninh chính trị, những xung đột dai dẳng ở Trung Đông tiếp tục là nhân tố gây tác động xấu tới tình hình kinh tế thế giới, chủ nghĩa khủng bố nổi lên như những “ung nhọt” ở Anh, Mỹ và một số nước châu Âu gây bất ổn và tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế. Đặc biệt phải kể đến tình trạng giá dầu mỏ tăng đột biến và dao động liên tục ở mức cao 70-78 USD/thùng, làm tăng chi phí sản xuất và vận chuyển dẫn đến tăng giá thành sản phẩm - hiện giá dầu đang có xu hướng giảm xuống dưới mức 70 USD vào cuối năm. Bên cạnh đó, thiên tai, dịch bệnh cũng góp phần gây

tổn thất lớn về sinh mạng và của cải ở nhiều nơi trên thế giới.

2. Những diễn biến chính trong nước

Tình hình an ninh và trật tự trong nước luôn được duy trì ổn định, Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn đối với khách du lịch và là địa điểm an toàn tin cậy đối với các nhà đầu tư. Tiến trình đàm phán gia nhập WTO đã được hoàn tất và thành công tốt đẹp, hội nghị cấp cao APEC thu hút sự quan tâm của giới quan sát quốc tế, khiến hình ảnh Việt Nam được quảng bá rộng khắp hơn bao giờ hết, đánh dấu một bước tiến mới đồng thời mở ra triển vọng hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng hơn cho Việt Nam.

Môi trường pháp lý có những bước cải thiện vượt bậc, nhiều đạo luật quan trọng đạt được sự đồng thuận của đại bộ phận nhân dân đã được Quốc hội thông qua trong 2 năm 2005 - 2006. Đại hội Đảng X đã thành công tốt đẹp với những quan điểm phát triển mới mang tính đột phá. Công tác đấu tranh chống tội phạm và tệ tham nhũng bước đầu đã đạt kết quả tốt, giúp ổn định trật tự trị an, đem lại sự trong sạch trong bộ máy công quyền, gây dựng được niềm tin sâu rộng trong quần chúng.

3. Những kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm

Các bước tiến trong hội nhập quốc tế được đánh giá là mạnh mẽ, tích cực và chủ động, hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước cũng được nhìn nhận là có quyết tâm cao trong việc chống tham nhũng, cải cách bộ máy, định hướng giải quyết vấn đề cũng mang tính hệ thống hơn, được xem là cơ sở cho những kết quả khả quan sau:

- Tốc độ tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm đạt 7,84%, đây là một mức

tăng hợp với dự kiến. Trong khi đó, tổng đầu tư xã hội đạt 41,7%, mức cao nhất từ trước đến nay, thể hiện quá trình tăng trưởng vẫn dựa chủ yếu vào vốn.

- Huy động vốn trong nước gặp khó khăn trong khi vốn FDI tăng cả về số lượng lẫn chất lượng: trong hơn 5 tỷ USD cam kết, với sự góp mặt của nhiều tập đoàn xuyên quốc gia (đặc biệt là Intel), và tập trung vào các dự án công nghệ cao...

- Công nghiệp tiếp tục đóng góp phần lớn vào tăng trưởng với sự phát triển mạnh mẽ của khu vực tư nhân. Tốc độ tăng trưởng toàn ngành đạt 16,5%, trong đó khu vực nhà nước là 9,6%, FDI là 17,2% và tư nhân là 24,8%.

- Ngoại thương đạt gấp rưỡi chỉ tiêu kế hoạch (tăng 24,2%) trong điều kiện ngành may, da giày gặp khó khăn, nhưng bù lại gạo, dầu thô lại tăng giá. Khu vực FDI cũng gia tăng vị thế trong xuất khẩu (chiếm tỷ lệ 56,7% trong kim ngạch xuất khẩu so với tỷ lệ 53,8% của năm 2005) (2).

II. Một số nhận định về tình hình kinh tế Việt Nam năm 2006

1. Về tốc độ tăng trưởng

Tuy tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm thấp cùng kỳ năm 2005 (8,1%); nhưng theo dự kiến 3 tháng cuối năm khả năng đạt và vượt kế hoạch trên 8,4% để có thể đạt trên 8% cả năm 2006 (3). Những nguyên nhân thực tế khiến mức tăng trưởng 9 tháng đầu năm 2006 giảm so với năm 2005 được xác định là do: i) sự chuyển giao lãnh đạo các cấp trước và sau Đại hội Đảng X; ii) sự chậm trễ trong việc thực hiện Luật đầu tư và Luật doanh nghiệp cùng các Nghị định hướng dẫn thi hành; iii) triển vọng chưa rõ ràng của quá trình đàm phán gia nhập WTO

với đối tác cuối cùng là Mỹ... Từ quý iii trở về cuối năm 2006, những yếu tố ảnh hưởng này đã biến giảm và nhịp độ tăng trưởng GDP 6 tháng cuối năm theo logic thông thường đã và đang tăng nhanh trở lại, thể hiện qua các chỉ số tăng trưởng công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và đầu tư...

Mức tăng được dự báo trên 8%, tuy có thấp hơn Trung Quốc (dự kiến đạt 10,2%) nhưng vẫn cao hơn tất cả các nước trong khu vực: Thailand (4,1%), Singapore (6,5%), Malaysia (5,5%), Indonesia (5,5%)... và kể cả Ấn Độ (7%) (2).

2. Về chất lượng của tăng trưởng

Do đặc thù của một nền kinh tế chậm phát triển, chất lượng tăng trưởng vẫn là một vấn đề đáng lo ngại ở Việt Nam. Đặc biệt là những thực trạng cố hữu chưa được cải thiện: ICOR giảm nhưng vẫn ở mức cao, thâm hụt thương mại cũng trong tình trạng tương tự, tỷ lệ thất thoát vốn đầu tư lớn, giá trị gia tăng thấp, khu vực doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả... Hiện trạng này cần được xem xét dưới góc độ cấu trúc của thể chế thị trường (mà Việt Nam đang nỗ lực hoàn thiện) với nền tảng các nguồn lực và khu vực kinh tế chủ thể có ảnh hưởng quyết định tới mô hình tăng trưởng của Việt Nam.

Nhưng đặc điểm dễ nhận thấy là các yếu tố quy định tăng trưởng theo chiều rộng (vốn, lao động, đất đai) vẫn chi phối nền sản xuất; những đặc tính của nền kinh tế chuyển đổi vẫn kìm hãm các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng theo chiều sâu, đó là mâu thuẫn giữa việc phát triển kinh tế thị trường, sự phát triển kinh tế tư nhân với định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa cải cách hành chính với cơ chế “xin-cho” truyền thống. Việc gia nhập WTO với những cam kết đa phương về cải cách thể chế sẽ đặt ra yêu cầu phải giải quyết

triệt để những vấn đề này để có thể gia tăng chất lượng tăng trưởng.

3. Về lạm phát

Đã có nhiều ý kiến lo ngại về mức tăng trưởng lạm phát trong năm 2006, thậm chí cho rằng mức lạm phát ở Việt Nam trong năm nay sẽ cao hơn mức tăng trưởng. Theo tính toán mới nhất, đến tháng 8/2006 mức lạm phát mới là 4,8% so với tháng 12/2005 (3). Thực tế cho thấy, mặc dù giá dầu thô tăng vượt mức kỷ lục của năm 2005, bão lớn tàn phá miền Trung, dịch cúm gia cầm dai dẳng, nhưng chính nhờ thực hiện những giải pháp về tiền tệ từ năm 2005 đến nay như: giảm mức tăng tổng phương tiện thanh toán, giảm mức tăng dư nợ tín dụng, tăng lãi suất..., lạm phát đã được kìm giữ ở dưới mức tăng trưởng. Các dự báo đưa ra đều cho rằng mức lạm phát cả năm 2006 khoảng trên 7% có thể xem là gần với thực tế và có thể tạm chấp nhận được. Vấn đề đặt ra là kể cả khi Chính phủ thực hiện chính sách tăng tiền lương, vậy liệu thu nhập của dân cư trong điều kiện mức lạm phát như vậy có đảm bảo mức sống của nhân dân và đảm bảo gia tăng mức cầu của thị trường không?

4. Về tỷ giá

Hiện nay, giá của VND trong những năm gần đây trên danh nghĩa đã liên tục giảm mỗi năm khoảng 1%. Theo phân tích của các chuyên gia, tỷ giá VND/USD hiện nay là phù hợp với thực tế (do USD cũng đã mất giá so với đồng EUR và nhiều đồng tiền khác); nhưng nếu gắn với bản chất khá phức tạp của diễn biến tỷ giá của các quốc gia trên thế giới hiện nay thì tương quan tỷ giá VND trong một "rổ tiền tệ" lại diễn ra theo xu hướng ngược lại. Biểu hiện lên giá của VND hiện đang khá rõ, đó là thâm hụt thương mại cao, lạm phát

đồng VND hơn mức lạm phát đồng USD, lãi suất VND tăng liên tục... Một số vấn đề đáng lưu ý ở đây là:

- Việt Nam xác định tỷ giá theo một rổ tiền tệ và có giao dịch buôn bán với nhiều nước, nhưng phần lớn thanh toán thương mại đều bằng USD (khoảng 80-90% khối lượng giao dịch với Trung Quốc, ASEAN, thậm chí ngay cả với EU), nên theo nguyên tắc của thị trường tiền tệ, đồng USD vẫn có ảnh hưởng quyết định tới tỷ giá USD/VND chứ không phải là rổ tiền tệ.

- Diễn biến tỷ giá quốc tế giữa các ngoại tệ mạnh khác cũng khá phức tạp do chính sách tiền tệ của các quốc gia khác nhau. Đồng EUR được thả nổi, trong khi đồng VND chỉ được dao động theo một biên độ hẹp, nên đồng USD có thể giảm giá so với EUR, nhưng chưa chắc đã giảm giá so với VND. Thực tế là ở Mỹ đồng USD đã tăng giá do lãi suất liên tục tăng, và tương đối ổn định so với đồng Yên Nhật, tuy nhiên nó lại giảm giá so với một số đồng tiền khác... Vì vậy cần có một sự nghiên cứu tỷ giá một cách khách quan và khoa học hơn để có những giải pháp đảm bảo VND không bị tăng giá bất lợi trước ngưỡng cửa hội nhập.

5. Về lãi suất

Năm 2006 là năm mà mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm danh nghĩa tăng ở mức rất cao, xấp xỉ 9% cho thời hạn 12 tháng. Nhưng nếu trừ đi mức lạm phát dự kiến 7,5% của năm nay thì lãi suất thực chỉ còn 1,5% - không phải là cao.

Lãi suất cho vay hiện dao động trong khoảng 15-18%, nếu so với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (8,25%) (4) thì đạt mức 150 - 200%, trong khi Luật Dân sự quy định lãi suất cho vay không được vượt quá

140%. Tình trạng này đã có tác hại rõ rệt tới tất cả các doanh nghiệp đi vay. Mức lãi suất cho vay quá cao này không phải lãi suất thị trường mà là mức lãi suất độc quyền của một nhóm ngân hàng, và đã đem lại lợi nhuận rất cao cho các ngân hàng thương mại Việt Nam. Năm 2005 Việt Nam đã có 2 ngân hàng được xếp vào số 2000 ngân hàng có mức tăng lợi nhuận hàng đầu thế giới.

6. Về thâm hụt thương mại

So với năm 2005, thâm hụt thương mại của năm nay giảm thấp hơn cả về giá trị tuyệt đối và tương đối (khoảng trên dưới 4 tỷ USD). Tuy nhiên, sự giảm thâm hụt này có được là do giá dầu mỏ xuất khẩu tăng cao chứ không phải do chính sách mang lại. Nếu không tính dầu mỏ vào kim ngạch xuất khẩu thì cả khu vực kinh tế trong nước và nước ngoài của Việt Nam đều bị nhập siêu. Có thể đưa ra lý giải rằng tình trạng nhập siêu này là do Việt Nam đang trong thời kỳ công nghiệp hoá cần nhập khẩu nhiều máy móc, thiết bị và nguyên nhiên vật liệu. Nhưng cũng phải lưu ý tới một thực tế khác là Trung Quốc và một số nước châu Á khác trải qua thời kỳ công nghiệp hoá lại luôn có xuất siêu. Ở đây cũng cần xem lại mô hình công nghiệp hoá của Việt Nam đi theo hướng nào, nếu vẫn nặng về tính thay thế nhập khẩu thì về lâu dài cũng phải điều chỉnh lại chính sách ngoại thương, chính sách tỷ giá hiện nay.

Như vậy, trên đây đã đề cập đến một số vấn đề nổi bật trong bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2006, với những mảng màu sáng, tối khác nhau. Có thể còn nhiều những vấn đề quan trọng khác như đầu tư, quy hoạch phát triển, chuyển dịch cơ cấu, đào tạo nhân lực, hay cải cách hành chính, nhưng đó là những vấn đề mang tính dài hạn, luôn

được lưu tâm và chú trọng giải quyết từ nhiều năm trước và sẽ còn tiếp tục được xem là những vấn đề cốt yếu của nước ta ở những giai đoạn củng cố vị thế tăng cường hội nhập sau này. Tuy nhiên, vấn đề có tính bao trùm ở đây là cần đưa ra được một chương trình hành động của Việt Nam sau khi gia nhập WTO. Gia nhập WTO không chỉ có nghĩa là đã kết thúc tốt đẹp một lộ trình, mà còn là bắt đầu một lộ trình mới. Đến nay dường như các bộ, ngành về cơ bản đã hoàn tất việc xây dựng chương trình này dựa trên những cam kết; nhưng việc đánh giá, thẩm định nó thế nào thì chưa được tiến hành một cách bài bản. Đây là một vấn đề cấp bách đòi hỏi ngay lập tức những hành động thực tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Khoan. Gia nhập WTO: “quá lạc quan hay bi quan đều không phù hợp”. <http://www.tienphongonline.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=49952&ChannelID=3>
2. Báo điện tử VNeconomy, ngày 3/11/2006.
3. Võ Đại Lực. Kinh tế Việt Nam 2006, Báo cáo tại *Hội thảo Kinh tế Việt Nam 2006*, ngày 8/10/2006, Viện Kinh tế Việt Nam.
4. Trần Đình Thiên. Kinh tế Việt Nam 2006: Tổng quan các vấn đề (Báo cáo tại *Hội thảo Kinh tế Việt Nam 2006*, ngày 8/10/2006, Viện Kinh tế Việt Nam).
5. Vũ Đình Ánh. Chính sách tài chính - tiền tệ với tăng trưởng kinh tế và lạm phát năm 2006 (Báo cáo tại *Hội thảo Kinh tế Việt Nam 2006*, ngày 8/10/2006, Viện Kinh tế Việt Nam).